

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HS-ST

Ngày: 16/10/2018.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Lượng.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Quân.

2. Ông Ngô Bá Tiến.

3. Ông Diêm Trọng Khoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Văn Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức T**, sinh năm 1995; nguyên quán: Xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; HKTT: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng Q, sinh năm 1973 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: Tại bản án số 33/2014/HSST ngày 04/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt Lê Đức T 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS 1999 và phải bồi thường 8.180.000đ cho các người bị hại; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 24/7/2016, chưa chấp hành phần bồi thường dân sự; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/4/2018; hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo T do Tòa án chỉ định:*

- Ông Trần Văn H – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị Dương Thị Th, sinh năm 1983; trú tại: thôn Y, xã D, huyện Kh, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

2. Anh Đỗ Đức Th, sinh năm 1988; trú tại: Ngã 3 thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 24/4/2018, tại khu phố 3, C, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, Cơ quan Điều tra Công an thị xã Từ Sơn bắt quả tang Lê Đức T, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La có hành vi chuẩn bị bán ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 10 túi nilon màu xanh được quần băng dính vào sườn bên trái T, trong mỗi túi nilon chứa 160 viên ma túy tổng hợp, trong đó 158 viên màu hồng và 02 viên nén màu xanh, tổng số 1.600 viên. Toàn bộ vật chứng được niêm phong theo đúng quy định của pháp luật. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Đức T, Cơ quan cảnh sát điều tra không phát hiện và thu giữ gì.

Tại Kết luận giám định số: 582/KLGĐMT-PC54 ngày 24/4/2018 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: “20 viên nén hình tròn màu xanh và 1.580 viên nén hình tròn màu hồng có khối lượng 147,2980 gam; Là ma túy; loại ma túy: Methamphetamine”.

Tại Cáo trạng số 101/CT-VKS-P1 ngày 28/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra, ban đầu bị cáo T khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 24/4/2018, tại một quán nước ở ngã tư P, Hưng Yên, T gặp một người đàn ông T chỉ biết tên là T1. Biết T đang đi tìm việc làm nên T1 bảo T mang cho T1 10 túi ma túy “ngựa” (ma túy tổng hợp) từ P, Hưng Yên về thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để bán. Sau khi bán ma túy T1 sẽ xin cho T vào làm nhân viên quán Karaoke ở T, cho T sử dụng ma túy và ăn uống, T đồng ý. Sau đó, T1 cùng T vào một nhà nghỉ do T1 thuê ở P, Hưng Yên (T không nhớ địa chỉ và tên nhà nghỉ). Tại đây, T1 dùng băng dính quần 10 (mười) túi nilon màu xanh, trong mỗi túi chứa 160 viên ma túy tổng hợp, trong đó 158 viên màu hồng, 02 viên màu xanh vào sườn bên trái T và thuê xe taxi cùng T đi về thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để bán cho khách. Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, khi xe taxi chở T1 và T đi đến khu phố 3, C, phường Đ, thị xã T thì T1 bảo T xuống đi bộ, T

xuống xe đi được một đoạn thì bị phát hiện bắt quả tang thu giữ được toàn bộ vật chứng. Trong khi T bị bắt giữ, T1 vẫn đang ngồi trên xe taxi và chạy thoát. Quá trình điều tra sau này, T thay đổi lời khai cho rằng không biết trong 10 túi nilon T1 quần lên sườn bên trái T có ma túy tổng hợp, lý do trước đây T khai biết trong 10 túi nilon chứa ma túy là vì bị cán bộ điều tra Công an thị xã T bức cung, ép cung. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai có giúp đối tượng tên là T1 (không rõ địa chỉ) mang 1600 viên ma túy tổng hợp về T để T1 bán cho khách. Khi bị bắt quả tang, ngoài số ma túy, bị cáo còn bị thu giữ 02 chiếc điện thoại (01 điện thoại Iphone, 01 điện thoại Nokia) và 01 chiếc ví (ví không có tiền). Bị cáo thừa nhận Bản Cáo trạng truy tố bị cáo đúng. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung từ 05 đến 10 triệu đồng sung công quỹ Nhà nước. Về vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định. Đối với 02 chiếc điện thoại và 01 chiếc ví (không có tiền) bị cáo khai bị CQĐT thu giữ nhưng không có căn cứ chứng minh nên không chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T nhất trí với luận tội của đại diện VKS, không có ý kiến gì thêm. Bị cáo T thừa nhận có tội và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên đề nghị xem xét về hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Tại phiên tòa hôm nay, Lê Đức T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo tại CQĐT, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Đức T có hành vi mang 147,2980 gam Methamphetamine giúp đối tượng tên là T1 từ Hưng Yên về thị xã T để bán cho khách. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố là có căn cứ.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy. Ma túy còn là nguồn gốc dẫn tới nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, góp phần

gia tăng người nghiện hút ma túy trong xã hội và gia tăng nạn dịch HIV. Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án: Tại bản án số 33/2014/HSST ngày 04/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xử phạt Lê Đức T 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 24/7/2016, đến nay bị cáo chưa chấp hành bồi thường dân sự, tính đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích, vì vậy lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm”, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi lượng hình. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, do vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo phạm tội với lượng ma túy tương đối lớn, có một tình tiết tăng nặng và 01 tình tiết giảm nhẹ, do vậy cần xử lý nghiêm buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai còn bị thu giữ 02 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc ví không có tiền, tuy nhiên HĐXX thấy tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản thu giữ, niêm phong đồ vật, tài liệu có sự chứng kiến của người làm chứng đều không thể hiện việc bị cáo bị thu giữ tài sản như bị cáo trình bày, do vậy không có căn cứ chấp nhận. Do bị cáo khó khăn về kinh tế, phạm tội do mang giúp ma túy để hưởng lợi, do vậy miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đối với đối tượng tên T1 và người lái xe taxi, do chưa có tài liệu chứng minh nên CQĐT tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[3]. Về vật chứng: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T 20 (hai mươi) năm tù.

Quyết định duy trì Quyết định tạm giam số 154/2018/HSST-QĐTG ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số lượng ma túy còn lại sau giám định được đựng trong 01 (một) hộp giấy được niêm phong. Một mặt ghi chữ: “K/gửi: Cơ quan

CSDT – CATX Từ Sơn. Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số 582/KLGĐMT-PC54 ghi ngày 24/4/2018 của phòng PC54”.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/8/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Bị cáo Lê Đức T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh (Phòng ma túy);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Luật sư; Bị hại; đương sự;
- Lưu HS; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nghiêm Thị Lượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Quân

Nguyễn Hữu Hoà

Ngô Bá Tiến

Diêm Trọng Khoa